

Số: 610/QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với
Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty cổ phần
Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 873/QĐ-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1008/QĐ-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh tại hồ sơ số H29.19-250821-0145 ngày 27 tháng 8 năm 2025 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại biên bản ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (bổ sung danh mục kỹ thuật) đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh;



Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh, địa chỉ số 02 Võ Oanh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Thông tư số 23/2024/TT-BYT (danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển viện, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 279/QĐ-SYT ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế.

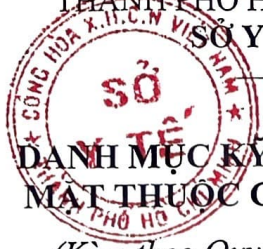
Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Công ty cổ phần Up Dental – Chi nhánh Bình Thạnh và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *luc*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- UBND phường Thạnh Mỹ Tây;
- P.CNTT, VPS (đăng Cổng Thông tin điện tử SYT);
- Lưu: VT, NVY (NXT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Chương



DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN UP DENTAL – CHI NHÁNH BÌNH THẠNH

(Kèm theo Quyết định số: 610 /QĐ-SYT ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế)

STT	STT TT 23/2024/T T-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1.	53	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
2.	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóngambu qua mặt nạ
3.	14318	16.3	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép implant
4.	14320	16.5	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
5.	14321	16.6	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
6.	14326	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
7.	14327	16.12	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant
8.	14329	16.14	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
9.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
10.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
11.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
12.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
13.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
14.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay
15.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
16.	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
17.	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)
18.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
19.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
20.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
21.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement

X.H.C
S
Y T
PHỐ

luc

STT	STT TT 23/2024/T T-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
22.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
23.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
24.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
25.	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
26.	14392	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống có sử dụng đèn LED
27.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
28.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng vôi thuốc chống ê buốt
29.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
30.	14398	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
31.	14399	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
32.	14401	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
33.	14402	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
34.	14403	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
35.	14405	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
36.	14411	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
37.	14412	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
38.	14414	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
39.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
40.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
41.	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
42.	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
43.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
44.	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
45.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
46.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
47.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
48.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả

STT	STT TT 23/2024/T T-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
49.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
50.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
51.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
52.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
53.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
54.	14456	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
55.	14457	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
56.	14458	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
57.	14459	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
58.	14460	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
59.	14461	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
60.	14467	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
61.	14469	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khâu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
62.	14470	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
63.	14472	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
64.	14474	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
65.	14475	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khâu cái (TPA)
66.	14476	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
67.	14477	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
68.	14483	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
69.	14486	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
70.	14487	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bê Loop L hoặc dây cung đảo ngược
71.	14488	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
72.	14489	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt



luc

STT	STT TT 23/2024/T T-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
73.	14490	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
74.	14491	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
75.	14493	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
76.	14494	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
77.	14496	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
78.	14497	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
79.	14498	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
80.	14499	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
81.	14500	16.187	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (anterior plane)
82.	14501	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
83.	14506	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
84.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
85.	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
86.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
87.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
88.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
89.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
90.	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
91.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
92.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
93.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
94.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
95.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
96.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
97.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
98.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
99.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

STT	STT TT 23/2024/T T-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
100.	15065	18.81	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)
101.	15066	18.82	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)
102.	15067	18.83	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng toàn cảnh
103.	15113	18.129	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)

Lưu ý:

- Các kỹ thuật về tổng quát được phê duyệt do bác sĩ Nguyễn Ngọc Tiến, bác sĩ Trần Văn Quân, bác sĩ Nguyễn Quốc Nhật, bác sĩ Trương Hữu Minh Ân, bác sĩ Nguyễn Thị Quỳnh Hương, bác sĩ Lê Thị Ngọc Bích, bác sĩ Dương Lan Thuyên, bác sĩ Nguyễn Thị Uyên, bác sĩ Lê Thị Hồng Ngọc, bác sĩ Đặng Duy Lĩnh, bác sĩ Đỗ Xuân Minh, bác sĩ Nguyễn Sanh Bảo Nguyên, bác sĩ Hoàng Hữu Vinh, bác sĩ Nguyễn Kim Hoàng, bác sĩ Ngô Nữ Kiều Minh, bác sĩ Tôn Thất Đàm Triều, bác sĩ Trương Châu Bửu Lộc, bác sĩ Lê Thị Thủy Dung, bác sĩ Kiều Thanh Vi và bác sĩ Trần Trí Lĩnh, bác sĩ Nguyễn Thị Thủy Tiên thực hiện.

- Các kỹ thuật về chỉnh nha được phê duyệt do bác sĩ Nguyễn Ngọc Tiến, bác sĩ Trần Văn Quân, bác sĩ Nguyễn Thị Quỳnh Hương, bác sĩ Lê Thị Hồng Ngọc, bác sĩ Đặng Duy Lĩnh, bác sĩ Đỗ Xuân Minh, bác sĩ Nguyễn Sanh Bảo Nguyên, bác sĩ Lê Thị Ngọc Bích, bác sĩ Hoàng Hữu Vinh, bác sĩ Nguyễn Kim Hoàng, bác sĩ Ngô Nữ Kiều Minh, bác sĩ Tôn Thất Đàm Triều, bác sĩ Trương Châu Bửu Lộc, bác sĩ Trần Trí Lĩnh và bác sĩ Nguyễn Thị Thủy Tiên thực hiện.

- Các kỹ thuật về implant được phê duyệt do bác sĩ Nguyễn Ngọc Tiến và bác sĩ Trần Văn Quân thực hiện.

- Các kỹ thuật về điện quang do kỹ thuật viên Nguyễn Đoàn Vĩnh Triều và kỹ thuật viên Nguyễn Xuân Tiến Phát thực hiện / *la*

